TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS - ST
Ngày: 10 – 4 – 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

2. Ông Dương Đức Bản

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Nhân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 18/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số: 18/2023/TBMLPT-DS ngày 29/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 65 đường ĐĐ, tổ dân phố 12, phường BL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Chị A có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Ngõ 30 đường TQB, tổ dân phố 3, phường NL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Trần Thị Thúy D, sinh năm: 1984; HKTT: Số 01 ngõ 87, Khối TP, phường HD, thành phố V, tỉnh Nghệ An; địa chỉ cần báo: Số 02 đường TQT, phường ĐP, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Chị D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày* 26/10/2022*, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết là bạn bè của em gái chị A là chị Trần Thị Thúy D. Chị A đã đồng ý cho chị Bùi Thị T vay số tiền cụ thể như sau: Ngày 11/6/2022, chị T vay 200.000.000 đồng có giấy vay nợ kèm theo, số tiền này chị nhờ chị D là em gái chuyển vào tài khoản cho chị T qua tài khoản Ngân hàng VP Bank. Ngày

30/6/2022 chị nhờ chị Trần Thị Thúy D là em gái chuyển số tiền 100.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng VP Bank cộng với lãi suất theo thỏa thuận bằng miệng giữa hai bên chị Thương; tổng cộng số tiền vay của chị T mượn chị là 300.000.000 đồng. Quá trình vay mượn chị T có trả lãi được 18.000.000 đồng của hai tháng và chưa trả tiền gốc. Nay đã quá thời gian trả tiền gốc giữa hai bên, chị Thương vẫn cố tình không trả tiền gốc cho chị A. Vì vậy, chị A làm đơn ra Tòa án yêu cầu chị Bùi Thị T trả nợ cho chị với số tiền gốc là 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

** Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên toà bị đơn chị Bùi Thị T trình bày:*

Tại bản tự khai ngày 22/11/2022 chị thừa nhận có mối quan hệ quen biết với em gái chị A là chị Trần Thị Thúy D và chị cho rằng chị Trần Thị Thúy D, em gái chị A có nợ chị T số tiền 470.000.000 đồng có ghi chép đầy đủ hóa đơn, sao kê và trừ vào số tiền chị D gửi nhiều lần trừ nợ còn lại 388.000.000 đồng, đã nhiều lần chị T đòi nợ nhưng chị D không chịu trả thậm chí quay sang kiện ngược đòi căn nhà mà chị bỏ tiền ra mua đang ở (vì lý do nhờ chị D đứng tên). Trong thời gian chị đòi nợ, chị D dụ dỗ chị vay lãi suất 300VNĐ/1 triệu của chị gái là chị Trần Thị Ngọc A số tiền 200.000.000 đồng có ghi giấy nợ và lãi suất. Hàng tháng chị vẫn trả đủ lãi suất cho chị A (thông qua chuyển khoản cho chị D và chị A). Khi xảy ra sự việc chị D lật lọng kiến bắt chị phải trả lại nhà thì chị có thái độ phản kháng, thương lượng với chị A hình thức cấn nợ từ chị D số nợ 388.000.000 đồng (do chị D nợ chị) trừ qua số tiền chị A cho chị vay. Nhưng chị D cùng đồng bọn tổ chức kéo lên nhà chị ép chị trả lãi suất nên chị đã trình báo Công an và chính quyền can thiệp. Cùng với âm mưu tổ chức nhiều người lên nhà chị ép chị rời khỏi căn nhà mà chị đã bỏ tiền ra mua nhờ chị D đứng hộ. Hành vi của chị D và đồng bọn là hành vi tổ chức cho vay nặng lãi và hành vi lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của chị đã bỏ ra mua căn nhà ở NL. Chị mong muốn quý Tòa xử đúng người đúng tội. Về số tiền của bà A mà tôi còn nợ chị xin được giãn nợ chờ chị D, em gái chị A hoàn trả tiền cho chị thì chị sẽ thanh toán đủ gốc cho chị A, chị không đồng ý tiếp tục trả khoản nặng lãi vì xét cho cùng em gái chị A nợ tiền chị mà chị không tính lãi suất sau nhiều tháng chưa hoàn trả cho chị, chị mong Tòa án xem xét.

Tại buổi hòa giải ngày 01/12/2022, mặc dù bản tự khai chị trình bày như trên nhưng chị T đã thừa nhận còn nợ chị A số tiền 300.000.000 đồng như chị nguyên đơn trình bày, do điều kiện khó khăn nên hiện chưa thể trả nợ cho chị A được. Chị đề nghị chị A tạo điều kiện để chị trả lãi hàng tháng vào ngày 20 hàng tháng đối với số nợ này. Chị cũng hẹn đến ngày 02/12/2022 sẽ cùng nhau ra phòng công chứng để xác lập hợp đồng số tiền nợ 300.000.000 đồng để tạo niềm tin cho nhau.

** Tại bản tự khai và tại phiên toà người làm chứng chị Trần Thị Thúy D trình bày:* Chị có biết việc chị Bùi Thị T có vay nợ chị Trần Thị Ngọc Ánh vì vốn trước đây hai chị là bạn bè với nhau. Việc chị T vay chị A là có thật với hai lần vay tiền, một lần 200.000.000 đồng thì chị T có viết giấy vay nợ; lần thứ hai thì chị Ánh chuyển tiền cho chị D để chị D chuyển vào tài khoản của Ngân hàng Vp Bank cho chị T. Về nguồn tiền mà chị D đã chuyển đó hoàn toàn là tiền của chị A vì biết

chị D chơi với chị T và chị D có số tài khoản của chị T nên chị A đã nhờ chị D chuyển tiền cho chị T vay, tổng hai lần là 300.000.000 đồng như trình bày của chị A.

Sau buổi hòa giải các bên vẫn chưa đưa ra được phương án trả nợ, ngày 14/02/2023 Tòa án tiến hành buổi hòa giải, nhưng bị đơn chị Bùi Thị T vắng mặt không có lý do. Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, đề nghị Tòa án buộc chị Bùi Thị T phải thanh toán tổng số tiền gốc là 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn chị Bùi Thị T vắng mặt lần thứ hai nên không có lời trình bày ý kiến tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Bùi Thị T có địa chỉ tại: Ngõ 30 đường TQB, tổ dân phố 3, phường NL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Bùi Thị T trả số tiền vay là 300.000.000 đồng, cụ thể: Theo giấy vay tiền ngày 11/6/2022 số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn tính từ ngày 11/6/2022 đến ngày 11/7/2022 sẽ trả đầy đủ gốc và lãi suất; Giấy chuyển tiền ngày 30/6/2022 do Trần Thị Ngọc A nhờ chị Trần Thị Thúy D chuyển cho chị Bùi Thị T vay 100.000.000 đồng vào tài khoản của Ngân hàng TMCP VP. Vì vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", tranh chấp phát sinh giữa cá nhân và cá nhân, đây là tranh chấp phát sinh trong giao dịch dân sự theo qui định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho các đương sự tự thỏa thuận với nhau để đi đến thống nhất giải quyết vụ án, nhưng không có kết quả. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Bùi Thị T vắng mặt không có lý do lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản: Theo giấy vay tiền ngày 11/6/2022 chị Bùi Thị T có vay của chị Trần Thị Ngọc A số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 11/6/2022 đến ngày 12/7/2022 và trả lãi 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày và Giấy chuyển tiền ngày 30/6/2022 do Trần Thị Ngọc A nhờ chị Trần Thị Thúy D chuyển cho chị Bùi Thị T vay vào tài khoản của Ngân hàng TMCP VP hai lần với số tiền 300.000.000 đồng. Do đó, tổng số tiền chị T vay chị A là 300.000.000 đồng.

Căn cứ lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Giấy mượn tiền ghi ngày 11/6/2022 và giấy chuyển tiền vào tài khoản được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có chữ ký của bên vay, cả nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều thừa nhận, nên không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hoặc ép buộc nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Đã hết thời hạn ghi trong giấy vay tiền nhưng chị T vẫn chưa trả nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Thương cũng thừa nhận đã vay chị A số tiền 300.000.000 đồng, nhưng vì hoàn cảnh hiện nay khó khăn nên chị chưa trả được cho chị A, chị xin trả dần và không đưa ra lộ trình cụ thể về số tiền gốc. Chị xin được trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, nhưng sau đó không thực hiện được cam kết như vậy. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay là 300.000.000 đồng là có căn cứ theo Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự.

[2.2] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất quá hạn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về những ý kiến của chị T tại bản tự khai ngày 22/11/2022 chị thừa nhận có mối quan hệ quen biết với em gái chị A và cho rằng chị Trần Thị Thúy D, em gái chị A có nợ chị T số tiền 470.000.000 đồng có ghi chép đầy đủ hóa đơn, sao kê và trừ vào số tiền chị D gửi nhiều lần trừ nợ còn lại 388.000.000 đồng, đã nhiều lần chị T đòi nợ nhưng chị D không chịu trả thậm chí quay sang kiện ngược đòi căn nhà mà chị bỏ tiền ra mua đang ở (vì lý do nhờ chị D đứng tên). Chị còn cho rằng hành vi của chị D và đồng bọn là hành vi tổ chức cho vay nặng lãi và hành vi lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của chị đã bỏ ra mua căn nhà ở NL, việc vay nợ giữa chị T và chị D chị D khẳng định là không có và đó là một mối quan hệ khác; việc đòi ngôi nhà đã được Tòa án thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác, không liên quan đến việc vay tiền của chị T với chị A. Tại buổi hòa giải ngày 01/12/2022 chị T cũng thừa nhận khoản vay giữa mình và chị A; chị không yêu cầu thêm các nội dung khác và chị không đưa ra những tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu giải quyết những nội dung như chị đã trình bày tại bản tự khai. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A được chấp nhận nên bị đơn chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền là: 300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Chị Trần Thị Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Trần Thị Ngọc A số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001323 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 274; 275; 276; 280; 357; 463; 464; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu trả tiền: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A. Buộc chị Bùi Thị T phải trả cho chị Trần Thị Ngọc A số tiền gốc 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí:

2.1. Bị đơn chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là 15.000.000 đồng.

2.2. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Ngọc A số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001323 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/4/2023). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh